

BÀI 5: KỸ THUẬT TRỒNG VÀ CHĂM SÓC RỪNG.

(19 CÂU)

A. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. NHẬN BIẾT (10 CÂU)

Câu 1: Thời vụ trồng rừng ở miền bắc là

- A. mùa xuân hoặc xuân hè (từ tháng 2 đến tháng 7).
- B. mùa mưa (từ tháng 9 đến tháng 12).
- C. mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 11).
- D. mùa khô (từ tháng 2 đến tháng 7).

Câu 2: Thời vụ trồng rừng ở miền nam là

- A. mùa xuân hoặc xuân hè (từ tháng 2 đến tháng 7).
- B. mùa mưa (từ tháng 9 đến tháng 12).
- C. mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 11).
- D. mùa khô (từ tháng 2 đến tháng 7).

Câu 3: Thời vụ trồng rừng ở miền trung là

- A. mùa xuân hoặc xuân hè (từ tháng 2 đến tháng 7).
- B. mùa mưa (từ tháng 9 đến tháng 12).
- C. mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 11).
- D. mùa khô (từ tháng 2 đến tháng 7).

Câu 4: Trong trồng rừng bằng gieo hạt thẳng, có bao nhiêu kỹ thuật gieo hạt?

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 5: Trong trồng rừng bằng gieo hạt thẳng, hạt giống cần được chuẩn bị như thế nào?

- A. Hạt giống cần có phẩm chất tốt và được xử lí trước khi gieo trồng.
- B. Hạt giống càng lớn càng tốt.
- C. Hạt giống càng khô càng tốt.
- D. Hạt giống cần được tách làm đôi rồi ngâm nước 3 ngày trước khi gieo.

Câu 6: Trong trồng rừng bằng cây con, bón lót cho cây thường dùng loại phân gì?

- A. Phân đạm.
- B. Phân lân.
- C. Phân kali.
- D. Phân hữu cơ hoặc phân NPK.

Câu 7: Nên làm cỏ, vun xới định kì trong khoảng

- A. 1 năm sau khi trồng.
- B. 2 năm liên tục sau khi trồng.
- C. 3 năm liên tục sau khi trồng.
- D. 4 năm liên tục sau khi trồng.

Câu 8: Thông thường, kích thước hố trồng là

- A. $40 \times 40 \times 40$ (cm).
- B. $20 \times 20 \times 20$ (cm).
- C. $30 \times 30 \times 30$ (cm) hoặc $20 \times 20 \times 20$ (cm).
- D. $30 \times 30 \times 30$ (cm) hoặc $40 \times 40 \times 40$ (cm).

Câu 9: Tia cạnh có vai trò như thế nào trong chăm sóc cây rừng?

- A. Nâng cao quá trình trao đổi chất, cây sinh trưởng nhanh, giảm khuyết tật, nâng cao chất lượng gỗ.
- B. Đảm bảo mật độ rừng trồng.
- C. Nâng cao tỉ lệ sống và khả năng sinh trưởng và phát triển của cây rừng.
- D. Giúp nâng cao độ phì nhiêu của đất và khả năng sinh trưởng, phát triển của cây, nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm thu hoạch.

Câu 10: Tia cạnh có vai trò như thế nào trong chăm sóc cây rừng?

- A. Nâng cao quá trình trao đổi chất, cây sinh trưởng nhanh, giảm khuyết tật, nâng cao chất lượng gỗ.
- B. Đảm bảo mật độ rừng trồng.
- C. Nâng cao tỉ lệ sống và khả năng sinh trưởng và phát triển của cây rừng.
- D. Giúp nâng cao độ phì nhiêu của đất và khả năng sinh trưởng, phát triển của cây, nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm thu hoạch.

2. THÔNG HIỂU (5 CÂU)

Câu 1: Thời vụ trồng rừng thường là mùa xuân hè hoặc mùa mưa vì

- A. thời tiết mát, đủ ẩm.
- B. Ít nắng.
- C. Đất nhiều mùn hơn.
- D. Vi sinh vật có lợi phát triển.

Câu 2: Hình ảnh dưới đây là trồng rừng bằng kỹ thuật nào?



- A. Phương thức gieo hạt toàn diện.
- B. Phương thức gieo hạt cục bộ.
- C. Trồng cây con bằng rễ trần.
- D. Trồng cây con có bầu.

Câu 3: Hình ảnh dưới đây là trồng rừng bằng kỹ thuật nào?



- A. Phương thức gieo hạt toàn diện.
- B. Phương thức gieo hạt cục bộ.
- C. Trồng cây con bằng rễ trần.
- D. Trồng cây con có bầu.

Câu 4: Hình ảnh dưới đây là trồng rừng bằng kĩ thuật nào?



- A. Phương thức gieo hạt toàn diện.
- B. Phương thức gieo hạt cục bộ.
- C. Trồng cây con bằng rễ trần.
- D. Trồng cây con có bầu.

Câu 5: Hình ảnh dưới đây là trồng rừng bằng kĩ thuật nào?



- A. Phương thức gieo hạt toàn diện.
- B. Phương thức gieo hạt cục bộ.
- C. Trồng cây con bằng rễ trần.
- D. Trồng cây con có bầu.

3. VẬN DỤNG (4 CÂU)

Câu 1: Cho các đặc điểm sau sau:

- (1) Cây con có sức đề kháng tốt, tỉ lệ sống cao.
- (2) Tiết kiệm hạt giống
- (3) Thích hợp trồng trên các vùng đất trũng lớn.
- (4) Giảm số lần và thời gian chăm sóc.
- (5) Bộ rễ phát triển tự nhiên.

Số đặc điểm là ưu điểm của trồng rừng bằng cây con là:

- A. 1.
- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

Câu 2: Ý nghĩa của việc làm trong hình dưới đây là



- A. nâng cao quá trình trao đổi chất, cây sinh trưởng nhanh, giảm khuyết tật, nâng cao chất lượng gỗ.
- B. đảm bảo mật độ rừng trồng.
- C. nâng cao tỉ lệ sống và khả năng sinh trưởng và phát triển của cây rừng.
- D. giúp nâng cao độ phì nhiêu của đất và khả năng sinh trưởng, phát triển của cây, nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm thu hoạch.

Câu 3: Ý nghĩa của việc làm trong hình dưới đây là



- A. làm cho đất tơi xốp, tăng khả năng thấm nước, phá bỏ nơi ẩn nấp của sâu bệnh hại.
- B. nâng cao tỉ lệ sống và khả năng sinh trưởng và phát triển của cây rừng.
- C. giúp nâng cao độ phì nhiêu của đất và khả năng sinh trưởng, phát triển của cây, nâng cao sản lượng, chất lượng sản phẩm thu hoạch.
- D. nâng cao quá trình trao đổi chất, cây sinh trưởng nhanh, giảm khuyết tật, nâng cao chất lượng gỗ.

4. VẬN DỤNG CAO (1 CÂU)

Câu 1: Sau khi kiểm tra tỉ lệ sống của một khu rừng mới trồng được 20 - 30 ngày, người ta thấy rằng tỉ lệ sống sót là 75%. Lúc này ta nên nhanh chóng

- A. tỉa thưa để đảm bảo mật độ rừng.
- B. trồng dặm với kỹ thuật như trồng chính.
- C. tưới nước để cây phát triển nhanh hơn.
- D. bón thúc để cây phát triển bộ rễ.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Câu 1: Một khu rừng mới trồng có nhiều cỏ dại và cây rừng non còi cọc. Dưới đây là những nhận định về các biện pháp chăm sóc rừng phù hợp nên được áp dụng tại đây:

- a. Làm cỏ nhằm giúp cây trồng chính có đủ không gian sống.
- b. Trồng xen cây nông nghiệp để giảm cỏ dại.
- c. Bón thúc nhằm bổ sung kịp thời dinh dưỡng cho cây trong giai đoạn còn non để cây sinh trưởng tốt nhất.
- d. Sử dụng thuốc diệt cỏ dại.

Đáp án:

- a. Đúng.
- b. Sai.
- c. Đúng.
- d. Sai

BÀI 6: Ý NGHĨA, NHIỆM VỤ, THỰC TRẠNG CỦA VIỆC BẢO VỆ VÀ KHAI THÁC RỪNG.

(17 CÂU)

A. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. NHẬN BIẾT (7 CÂU)

Câu 1: Bảo vệ rừng là

- A. bảo vệ môi trường sống cho rất nhiều loài thực vật, động vật rừng, trong đó có nhiều loại động, thực vật quý hiếm.

- B. bảo vệ đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gene các loài động vật, thực vật quý hiếm.
- C. duy trì diện tích rừng và tài nguyên rừng phù hợp, thông qua đó điều hoà không khí.
- D. duy trì diện tích rừng và tài nguyên phù hợp, thông qua đó bảo vệ nguồn nước và ngăn chặn các hiện tượng thiên tai như lũ lụt, sạt lở đất.

Câu 2: Bảo vệ và khai thác rừng có ý nghĩa như thế nào đối với đa dạng sinh học?

- A. bảo vệ môi trường sống cho rất nhiều loài thực vật, động vật rừng, trong đó có nhiều loại động, thực vật quý hiếm.
- B. bảo vệ đa dạng sinh học, bảo tồn nguồn gene các loài động vật, thực vật quý hiếm.
- C. duy trì diện tích rừng và tài nguyên rừng phù hợp, thông qua đó điều hoà không khí.
- D. duy trì diện tích rừng và tài nguyên phù hợp, thông qua đó bảo vệ nguồn nước và ngăn chặn các hiện tượng thiên tai như lũ lụt, sạt lở đất.

Câu 3: Suy thoái tài nguyên rừng **không** gây ra

- A. biến đổi khí hậu, suy giảm tầng ozone.
- B. suy giảm đa dạng sinh học
- C. suy thoái đất canh tác.
- D. giảm ô nhiễm môi trường.

Câu 4: Nhiệm vụ của toàn dân trong bảo vệ rừng là

- A. tổ chức, chỉ đạo việc phòng cháy chữa cháy rừng, ngăn chặn mọi hành vi gây thiệt hại đến rừng trong địa bàn.
- B. thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ rừng theo quy định.
- C. tổ chức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.
- D. bảo vệ rừng của mình, xây dựng và thực hiện phương án, biện pháp bảo vệ hệ sinh thái rừng.

Câu 5: Bảo vệ rừng là nhiệm vụ của ai?

- A. Toàn dân.
- B. Chủ rừng.
- C. Lãnh đạo các cấp, các ngành.
- D. Tất cả mọi người, tất cả quốc gia trên thế giới.

Câu 6: Việc khai thác rừng phải được thực hiện theo

- A. công ước quốc tế về thương mại các loài động vật, thực vật hoang dã, quý hiếm.
- B. quy định của từng địa phương.
- C. đúng quy định của pháp luật, phù hợp với chiến lược lâm nghiệp, đúng quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng.
- D. chủ khu rừng chỉ đạo, làm sao để sản lượng lâm sản thu được tối đa.

Câu 7: Thực trạng trồng và chăm sóc rừng ở nước ta trong các năm gần đây là

- A. diện tích rừng tăng nhưng vẫn chưa đáp ứng được chỉ tiêu đề ra, chủ yếu phục vụ kinh tế không phải phòng hộ , đặc dụng.
- B. diện tích rừng tăng đáng kể đã đáp ứng được mục tiêu đề ra, chủ yếu là các rừng phòng hộ.
- C. diện tích rừng tăng vượt mục tiêu đề ra, rừng kinh tế hay rừng phòng hộ đều được trú trọng.
- D. diện tích rừng giảm, các rừng phòng hộ bị tàn phá nặng nề, rừng kinh tế cũng không được trú trọng.

2. THÔNG HIỂU (6 CÂU)

Câu 1: Để bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng bền vững, cần nghiêm cấm hành vi nào sau đây?

- A. Chặt phá, khai thác, lấn chiếm rừng trái quy định của pháp luật.
- B. Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên như vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển.
- C. Tổ chức tuyên truyền vận động trồng cây gây rừng, phủ xanh đồi trọc.
- D. Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng trên địa phương có rừng.

Câu 2: Duy trì diện tích rừng và tài nguyên rừng phù hợp giúp

- A. suy giảm diện tích đất canh tác.
- B. điều hoà không khí, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, bảo vệ nguồn nước và ngăn chặn các thiên tai.
- C. suy giảm đa dạng sinh học.
- D. thu hẹp môi trường sống của nhiều loài động thực vật quý hiếm.

Câu 3: Vì sao sau khi khai thác phải trồng lại rừng ngay trong vụ trồng rừng hoặc tái sinh rừng?

- A. Để duy trì cân bằng hệ sinh thái và đa dạng sinh học.
- B. Để tránh bạc màu đất.
- C. Để bảo vệ nguồn nước ngầm.
- D. Để tăng thu nhập cho người dân.

Câu 4: Cần ưu tiên và tăng cường trồng, chăm sóc hơn nữa đối với những loại rừng

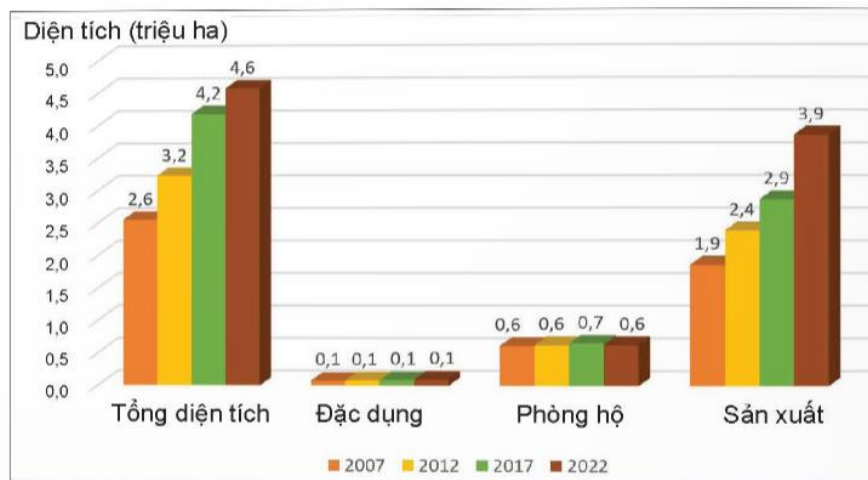
- A. rừng sản xuất.
- B. rừng phòng hộ.
- C. rừng sản xuất và rừng đặc dụng.
- D. rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.

Câu 5: Nhận định nào dưới đây **chưa** chính xác?

- A. Ủy ban nhân dân các cấp có nhiệm vụ tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.
- B. Chủ rừng có trách nhiệm bảo vệ rừng của mình, xây dựng được phương án, biện pháp bảo vệ hệ sinh thái rừng.
- C. Toàn dân phải có trách nhiệm thực hiện các quy định về bảo vệ rừng theo quy định của pháp luật.
- D. Sau khi khai thác rừng không cần triển khai nhanh chóng việc trồng rừng kế tiếp hoặc tái sinh rừng, cần để đất có thời gian nghỉ 3-5 năm.

3. VẬN DỤNG (3 CÂU)

Câu 1: Biểu đồ dưới đây cho ta thấy thực trạng trồng và chăm sóc rừng ở nước ta trong các năm gần đây là



Hình 6.2. Diện tích trồng rừng ở nước ta giai đoạn 2007 – 2022

(Nguồn: Tổng cục Lâm nghiệp, năm 2022)

- A. diện tích rừng tăng nhưng vẫn chưa đáp ứng được chỉ tiêu đề ra, chủ yếu phục vụ kinh tế không phải phòng hộ, đặc dụng.
- B. diện tích rừng tăng đáng kể đã đáp ứng được mục tiêu đề ra, chủ yếu là các rừng phòng hộ.
- C. diện tích rừng tăng vượt mục tiêu đề ra, rừng kinh tế hay rừng phòng hộ đều được trú trọng.
- D. diện tích rừng giảm, các rừng phòng hộ bị tàn phá nặng nề, rừng kinh tế cũng không được trú trọng.

Câu 2: Đâu **không** phải thực trạng bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng?

- (1) Hoạt động săn bắt, vận chuyển, mua bán, sử dụng động, thực vật hoang dã quý hiếm được kiểm soát.
- (2) Xây dựng thêm các khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia.
- (3) Chuyển đổi được nhiều diện tích rừng phòng hộ thành rừng sản xuất.
- (4) Tăng cường hoạt động trồng cây xanh để bảo vệ rừng.
- (5) Hiện tượng cháy rừng nạn chặt phá rừng và khai thác rừng trái quy định ngày một tăng.

- A. (1), (2), (4).
- B. (2), (4), (5).
- C. (1), (3), (4).

D. (3), (4), (5)

Câu 3: Cho các nhiệm vụ sau:

- (1) Tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.
- (2) Tổ chức, chỉ đạo việc phòng cháy, chữa cháy rừng.
- (3) Khai thác trái phép lâm sản, thú rừng quý hiếm.
- (4) Tổ chức phòng trừ sinh vật gây hại rừng ở địa phương.
- (5) Tuyên truyền khẩu hiệu đốt rừng làm rẫy cho nhân dân.
- (6) Kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn.
- (7) Xử lý vi phạm hình sự trong lĩnh vực quản lý.

Số nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân các cấp là

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

4. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

Câu 1: Được mệnh danh là Kỳ lân châu Á, Sao la (*Pseudoryx nghetinhensis*) là một trong những loài thú quý hiếm nhất trên thế giới chỉ sinh sống tại vùng rừng núi hẻo lánh thuộc Trung Trường Sơn Việt Nam và Nam Lào. Nạn phá rừng và các bẫy thú là những mối đe dọa nghiêm trọng đối với sao la.

“Sao la tượng trưng cho tất cả những điều quan trọng hiện đang bị đe dọa. Nếu chúng ta có thể cứu Sao la, chúng ta sẽ cứu được cảnh quan rừng, đa dạng sinh học và những lợi ích hệ sinh thái mang lại, ví dụ như nguồn nước ngọt mà chúng ta đang phải phụ thuộc vào chẳng hạn. Do đó, đây không chỉ đơn thuần là bảo vệ một loài động vật trong tình trạng nguy cấp. Đây là cuộc chiến nhằm cứu lấy thiên nhiên, các lợi ích sinh thái, sinh kế cộng đồng và tất cả những gì mà loài Sao la đại diện.”

TS. Văn Ngọc Thịnh, Giám đốc Quốc gia WWF-Việt Nam



Theo em, biện pháp nào sau đây là biện pháp tốt nhất để bảo tồn Sao la ?

- A. Mở rộng diện tích rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.
- B. Tổ chức, chỉ đạo việc phòng cháy chữa cháy rừng.
- C. Nghiêm cấm các hoạt động săn bắn, vận chuyển, mua bán, sử dụng động, thực vật hoang dã, quý hiếm.
- D. Xây dựng các khu bảo tồn và nhân giống sao la.

Câu 2: Trầm hương tên quốc tế tiếng anh là Agarwood, là phần gỗ trong cây dó bầu bị nhiễm chất dầu trầm hương. Sự tạo trầm trong tự nhiên của cây dó là quá trình biến đổi của các phần tử gỗ do tác động bệnh lý tạo nên các vết thương hở bị nhiễm các khuẩn, nấm... ở ngoài môi trường tạo nên kích ứng bảo vệ tạo ra trầm hương.

Với giá trị cao của trầm kèm theo việc quản lý lỏng lẻo nên bị khai thác một cách triệt để và ngày càng hiếm.

Theo em, làm thế nào để bảo vệ và vừa khai thác bền vững trầm hương?

- A. Khuyến khích người dân khai thác trầm hương tự nhiên trong rừng.
- B. Nghiêm cấm các hành vi khai thác trầm hương trong cộng đồng.
- C. Hướng dẫn cách trồng và khuyến khích trồng dó bầu lấy trầm hương cho người dân.
- D. Nghiêm cấm các hành vi buôn bán trầm hương.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Câu 1: Tại Vườn quốc gia Chư Mom Ray, quá trình tuần tra, hình ảnh tại các vị trí rừng mà nhân viên bảo vệ rừng chụp chuyên về giúp ban giám đốc vườn có cơ sở đánh giá hệ sinh thái rừng của từng khu vực, qua đó có cách quản lý phù hợp, nhằm bảo vệ rừng được tốt hơn. Ngoài phần mềm ứng dụng trên, vườn còn sử dụng flycam và công nghệ bắt ảnh để quản lý bảo vệ rừng. Flycam sử dụng kiểm soát rừng ở tầm cao; bắt ảnh là

camera nhỏ được đặt trong rừng. Nhờ ứng dụng phần mềm và công nghệ trong tuần tra rừng nên dù nhân lực bảo vệ rừng còn thiếu, nhưng 4 năm qua, trên địa bàn không xảy ra tình trạng vi phạm lâm luật, cháy rừng, giúp những cánh rừng thêm xanh tươi.

Trích nguồn báo Sài Gòn giải phóng

Mỗi nhận định sau đây là Đúng hay Sai về ứng dụng khoa học kĩ thuật trong bảo vệ và phát triển rừng?

- a. Ứng dụng khoa học kĩ thuật giúp rừng được chăm sóc, bảo vệ tốt hơn.
- b. Bẫy ảnh thường được sử dụng để giám sát sinh học, nghiên cứu và bảo tồn động vật hoang dã.
- c. Các thiết bị công nghệ hoàn toàn có thể thay thế các hạt kiểm lâm để bảo vệ rừng khỏi lâm tặc.
- d. Tình trạng vi phạm lâm luật, cháy rừng vẫn còn diễn ra ở vườn quốc gia Chư Mom Ray.

Đáp án:

- a. Đúng.
- b. Đúng
- c. Sai.
- d. Sai.

BÀI 8: VAI TRÒ VÀ TRIỂN VỌNG CỦA THỦY SẢN

(16 CÂU)

A. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. NHẬN BIẾT (7 CÂU)

Câu 1: Đâu không phải vai trò quan trọng của thủy sản đối với đời sống con người và nền kinh tế?

- A. Cung cấp thực phẩm giàu protein cho con người.
- B. Cung cấp khoáng sản, nhiên liệu hoá thạch cho công nghiệp máy móc.
- C. Cung cấp nguyên liệu cho chế biến và xuất khẩu.
- D. Khẳng định chủ quyền biển đảo và an ninh quốc phòng.

Câu 2: Đâu **không** phải lợi thế của điều kiện tự nhiên ở Việt Nam đối với phát triển thủy sản là

- A. 3/4 địa hình là đồi núi, nhiều rừng cây.
- B. Bờ biển dài hơn 3 260 km, vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn.
- C. Nguồn thủy sản khá phong phú.
- D. Dọc bờ biển có nhiều vũng vịnh, đầm, rừng ngập mặn, sông, suối, kênh, rạch,... thích hợp nuôi thủy sản nước mặn, lợ, ngọt.

Câu 3: Việt Nam đặt ra mục tiêu đến năm 2030 và tầm nhìn năm 2045, ngành thủy sản giải quyết việc làm cho trên

- A. 1 triệu người lao động.
- B. 2,5 triệu người lao động.
- C. 3,5 triệu người lao động.
- D. 10 triệu người lao động.

Câu 4: Việt Nam đặt mục tiêu đạt mục tiêu đến năm 2030, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất thủy sản đạt khoảng

- A. 1,0%/năm.
- B. 10,0%/ năm.
- C. 1,0 – 2,0%/năm.
- D. 3, 0 – 4,0%/ năm.

Câu 5: Việt Nam đặt mục tiêu đạt mục tiêu đến năm 2030, tổng sản lượng thủy sản đạt

- A. 20 triệu tấn.
- B. 5 triệu tấn.
- C. 9,8 triệu tấn.
- D. 15,5 triệu tấn.

Câu 6: Đâu **không** phải là xu hướng của phát triển thủy sản ở Việt Nam và thế giới?

- A. Phát triển bền vững gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
- B. Giảm tỉ lệ nuôi, tăng tỉ lệ khai thác để phát triển bền vững.
- C. Áp dụng công nghệ cao để phát triển bền vững.
- D. Hướng tới nuôi trồng theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP.

Câu 7: Đâu **không** phải lợi ích của nuôi trồng theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP?

- A. Tạo ra những sản phẩm thủy sản đáp ứng được các tiêu chí về an toàn vệ sinh thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.
- B. Giúp quản lý tốt tất cả các khâu trong quá trình sản xuất, hạn chế được dịch bệnh, nâng cao hiệu quả nuôi trồng, vệ sinh môi trường, phát triển thủy sản bền vững.
- C. Giúp thủy sản đủ tiêu chuẩn xuất khẩu ra nhiều nước trên thế giới.
- D. Giúp tăng nhân công, giảm năng suất nuôi trồng thủy sản.

2. THÔNG HIỂU (5 CÂU)

Câu 1: Để phát triển thủy sản bền vững cần tăng tỉ lệ nuôi, giảm tỉ lệ khai thác vì

- A. giảm áp lực lên nguồn thủy sản tự nhiên và tăng thu nhập cho người dân.
- B. tăng thêm thu nhập cho người dân.
- C. giảm áp lực lên nguồn thủy sản tự nhiên.
- D. tăng áp lực lên nguồn thủy sản tự nhiên và tăng thu nhập cho người dân.

Câu 2: Vì sao nuôi trồng theo tiêu chuẩn VietGAP, globalGAP, thủy sản sẽ đủ tiêu chuẩn để xuất khẩu ra quốc tế.

- A. Vì sẽ tạo ra các sản phẩm thủy sản có khối lượng, kích cỡ lớn.
- B. Vì sẽ tạo ra các sản phẩm thủy sản đáp ứng được các tiêu chí về an toàn vệ sinh thực phẩm.
- C. Vì sẽ tạo ra những sản phẩm thủy sản tươi ngon hơn.
- D. Vì sẽ tạo ra những sản phẩm thủy sản có giá trị dinh dưỡng hơn.

Câu 3: Vì sao nuôi thủy sản ven biển, hải đảo lại góp phần đảm bảo chủ quyền và an ninh quốc gia?

- A. Vì người dân chỉ được nuôi trồng, đánh bắt thủy sản trong phạm vi lãnh thổ của quốc gia mình.
- B. Vì người dân có thể nuôi trồng, đánh bắt thủy sản ngoài phạm vi lãnh thổ quốc gia mình.
- C. Vì người dân có thể nuôi trồng, đánh bắt thủy sản trong lẫn ngoài phạm vi lãnh thổ quốc gia mình.

D. Vì người dân không thể nuôi trồng, đánh bắt thủy sản phạm vi lãnh thổ quốc gia mình.

Câu 4: Hình ảnh sau đây nói về vai trò gì của ngành thủy sản?



- A. Cung cấp thức ăn chăn nuôi.
- B. Khẳng định chủ quyền biển đảo quốc gia.
- C. Vui chơi, giải trí.
- D. Chế biến và xuất khẩu.

Câu 5: Hình thức khai thác trong hình là hình thức khai thác thủy sản nào? Hình thức này có ảnh hưởng đến môi trường không?



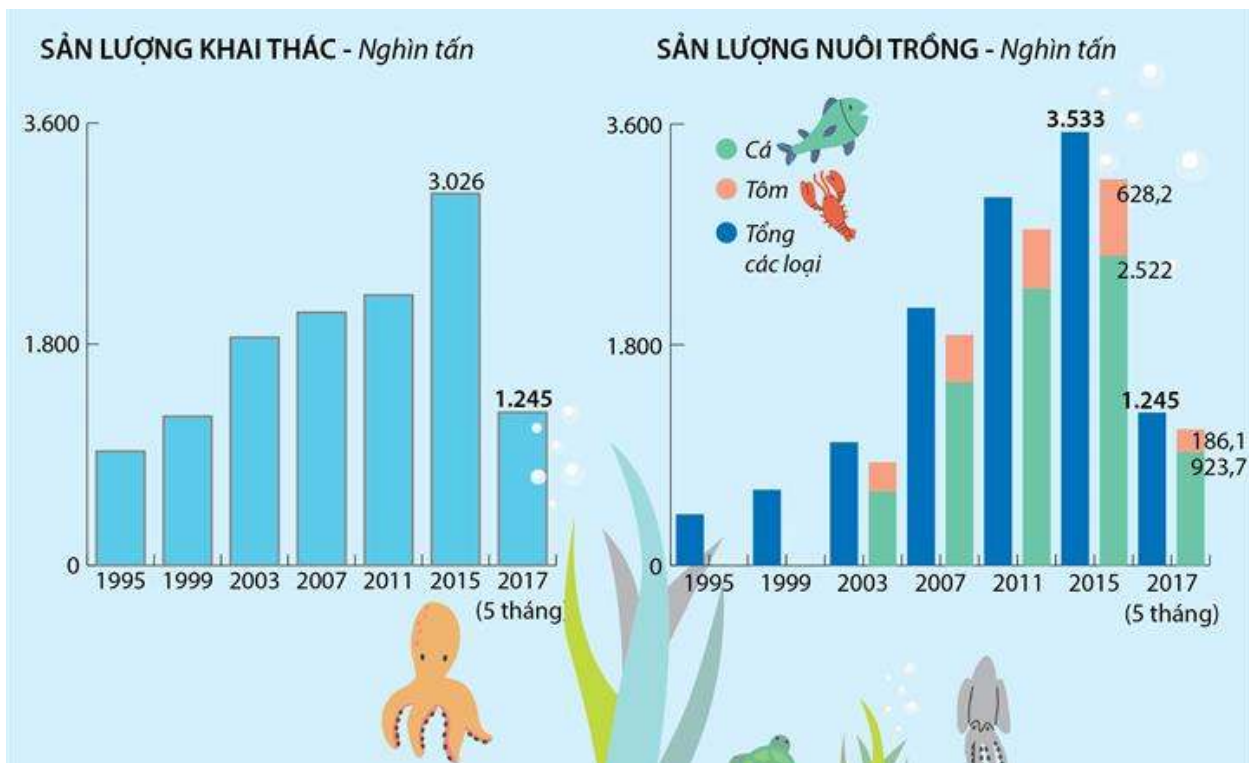
- A. Khai thác bằng bom, mìn ảnh hưởng xấu tới môi trường.
- B. Khai thác bằng lưới đánh cá, không ảnh hưởng tới môi trường.
- C. Khai thác lặn biển, ảnh hưởng xấu tới môi trường.
- D. Khai thác bằng cần câu, không ảnh hưởng tới môi trường.

3. VẬN DỤNG (3 CÂU)

Câu 1: Tôm là một trong những ngành thủy sản giá trị kinh tế cao. Hiện nay có nhiều hộ gia đình phá rừng ngập mặn để lấy diện tích nuôi trồng tôm. Theo em, có nên phá rừng để nuôi tôm không? Vì sao?

- A. Nên phá rừng để nuôi tôm, vì nuôi tôm mang lại giá trị kinh tế cao hơn trồng rừng.
- B. Nên phá rừng để nuôi tôm vì có thể đáp ứng nhu cầu thực phẩm tại địa phương.
- C. Không nên phá rừng để nuôi tôm vì rừng phòng chống thiên tai, bảo vệ đất và giảm tác động của biến đổi khí hậu.
- D. Không nên phá rừng để nuôi tôm vì rừng mang lại giá trị kinh tế cao hơn nuôi tôm.

Câu 2: Nhận xét nào sau đây là chính xác về biểu đồ dưới?



- A. Sản lượng nuôi trồng tôm nhiều hơn cá.
- B. Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản ở nước ta ngày một tăng.
- C. Trong giai đoạn từ 2015 đến 2017, sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản ở nước ta giảm rõ rệt.
- D. Sản lượng nuôi trồng thủy sản năm 2015 thấp hơn sản lượng khai thác thủy sản cùng năm.

Câu 3: Cho các công nghệ sau:

- (1) Công nghệ sinh học.
- (2) Công nghệ nuôi tiên tiến.
- (3) Công nghệ máy bay không người lái.
- (4) Công nghệ IoT.
- (5) Công nghệ tưới nước tự động.

Những công nghệ là xu hướng phát triển của ngành thủy sản là

- A. (1), (2), (3).
- B. (2), (4), (5).
- C. (1), (2), (4).
- D. (2), (3), (4).

4. VẬN DỤNG CAO (1 CÂU)

Câu 1: Cho các nhận định sau:

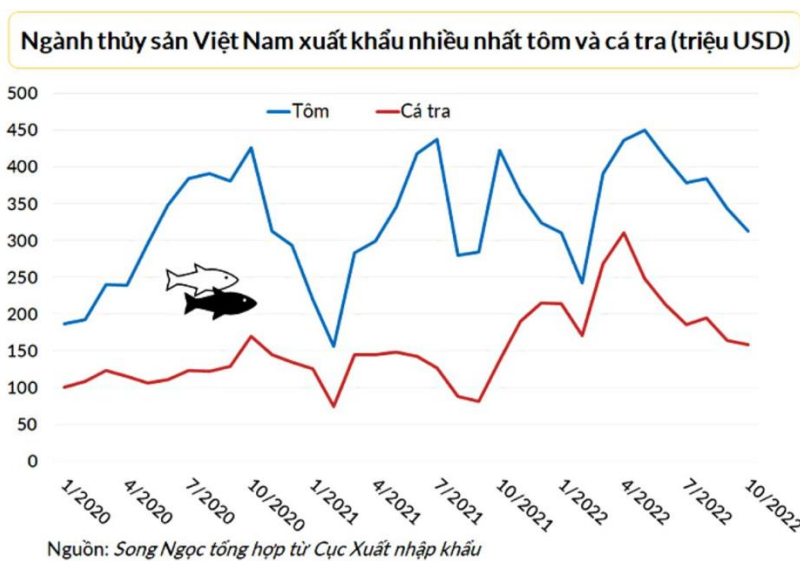
- (1) lợi thế của điều kiện tự nhiên ở Việt Nam đối với phát triển thủy sản là bờ biển dài hơn 3 260 km, vùng đặc quyền kinh tế rộng lớn, nguồn thủy sản khá phong phú.
- (2) Xu hướng của phát triển thủy sản ở Việt Nam và thế giới là phát triển bền vững gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
- (3) Lợi ích của nuôi trồng theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP là giúp giảm nhân công, tăng năng suất nuôi trồng thủy sản.
- (4) Vai trò quan trọng của thủy sản đối với đời sống con người và nền kinh tế là cung cấp khoáng sản, nhiên liệu hoá thạch cho công nghiệp máy móc.
- (5) Người dân có thể nuôi trồng, đánh bắt thủy sản ngoài phạm vi lãnh thổ quốc gia mình.

Số nhận định đúng là

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Câu 1: Kết quả khảo sát trên 117 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản, cho thấy, 71% số doanh nghiệp cho rằng triển vọng ngành thủy sản năm 2023 sẽ khó khăn, hơn 22% doanh nghiệp đánh giá sẽ rất khó khăn và chỉ khoảng 7% doanh nghiệp lạc quan vào bức tranh ngành thủy sản trong thời gian tới.



Giá trị xuất khẩu tôm và cá tra đi xuống trong những tháng gần đây.

Ba nguyên nhân khiến các doanh nghiệp lo ngại trong hoạt động sản xuất kinh doanh từ nay đến 2023 gồm: biến động tỷ giá, nguồn vốn thắt chặt; kinh tế thế giới suy thoái, lạm phát tăng làm giảm nhu cầu dẫn đến tồn kho tăng và cạnh tranh sẽ gay gắt hơn từ những đối thủ có chi phí thấp và giá bán rẻ như Ecuador hay Ấn Độ.

Có tới 87% doanh nghiệp nhận thức được vấn đề đầu tư vào công nghệ để phát triển bền vững, tuy nhiên số doanh nghiệp này cho biết chưa sắp xếp được tài chính nên chưa thể triển khai và chỉ 13% doanh nghiệp sẵn sàng nguồn lực đầu tư ngay. Về vấn đề này, nhiều doanh nghiệp chuyên cung cấp vật liệu, máy móc phục vụ ngành thủy sản đã đưa ra nhiều giải pháp hỗ trợ, thỏa thuận, để hai bên “song hành” cùng nhau.

Nguồn báo online: tepbac.com

- Giá trị xuất khẩu tôm luôn lớn hơn giá trị xuất khẩu cá tra.
- Giá trị xuất khẩu tôm lớn hơn cá tra vì tôm bảo quản khó hơn.

- c. Nguyên nhân chính dẫn đến ngành xuất khẩu thủy sản Việt Nam không có bước phát triển đột biến là do không đáp ứng được yêu cầu của các thị trường khó tính.
- d. Để phát triển xuất khẩu thủy sản bền vững, các doanh nghiệp cần ứng dụng công nghệ hiện đại, tiết kiệm năng lượng và quản trị hiệu quả hàng tồn kho.

Đáp án:

- a. Đúng.
- b. Sai.
- c. Sai.
- d. Đúng.

**BÀI 9: CÁC NHÓM THỦY SẢN VÀ MỘT SỐ PHƯƠNG THỨC NUÔI
PHỔ BIẾN
(21 CÂU)**

A. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1. NHẬN BIẾT (7 CÂU)

Câu 1: Thủy sản bản địa là

- A. loài thủy sản có nguồn gốc và phân bố trong môi trường tự nhiên, ở khu vực địa lí xác định.
- B. loài thủy sản được nhập từ nước ngoài về nuôi ở Việt Nam.
- C. loài thủy sản được nghiên cứu, biến đổi gene được phát triển từ các phòng thí nghiệm.
- D. loài thủy sản có nguồn gốc và phân bố trong môi trường ngập mặn hoặc nước lợ.

Câu 2: Thủy sản nhập nội là

- A. loài thủy sản có nguồn gốc và phân bố trong môi trường tự nhiên, ở khu vực địa lí xác định.
- B. loài thủy sản được nhập từ nước ngoài về nuôi ở Việt Nam.
- C. loài thủy sản được nghiên cứu, biến đổi gene được phát triển từ các phòng thí nghiệm.
- D. loài thủy sản có nguồn gốc và phân bố trong môi trường ngập mặn hoặc nước lợ.

Câu 3: Nhóm cá trong ngành thủy sản là

- A. nhóm động vật có xương sống, bơi bằng vây, thở bằng mang sống ở nước ngọt, lợ hoặc mặn.
- B. một nhóm các động vật chân khớp.
- C. nhóm động vật mà cơ thể mềm, có thể có vỏ đa vôi che chở và nâng đỡ.
- D. các loài thực vật bậc thấp, đơn bào hoặc đa bào, có loài kích thước nhỏ, có loài kích thước lớn.

Câu 4: Nhóm động vật giáp xác trong thủy sản là

- A. nhóm động vật có xương sống, bơi bằng vây, thở bằng mang sống ở nước ngọt, lợ hoặc mặn.
- B. một nhóm các động vật chân khớp.
- C. nhóm động vật mà cơ thể mềm, có thể có vỏ đa vôi che chở và nâng đỡ.
- D. các loài thực vật bậc thấp, đơn bào hoặc đa bào, có loài kích thước nhỏ, có loài kích thước lớn.

Câu 5: Nhóm rong tảo trong thủy sản là

- A. nhóm động vật có xương sống, bơi bằng vây, thở bằng mang sống ở nước ngọt, lợ hoặc mặn.
- B. những động vật có xương sống, màng ối, thở bằng phổi, chuyển dịch bằng cách bò sát mặt đất có thể sống trên cạn hoặc dưới nước.
- C. nhóm động vật mà cơ thể mềm, có thể có vỏ đa vôi che chở và nâng đỡ.
- D. các loài thực vật bậc thấp, đơn bào hoặc đa bào, có loài kích thước nhỏ, có loài kích thước lớn.

Câu 6: Nhóm bò sát và lưỡng cư trong thủy sản là

- A. nhóm động vật có xương sống, bơi bằng vây, thở bằng mang sống ở nước ngọt, lợ hoặc mặn.
- B. những động vật có xương sống, màng ối, thở bằng phổi, chuyển dịch bằng cách bò sát mặt đất có thể sống trên cạn hoặc dưới nước; những động vật có xương sống, máu lạnh, có thể sống dưới nước lẫn trên cạn.
- C. nhóm động vật mà cơ thể mềm, có thể có vỏ đa vôi che chở và nâng đỡ.

D. các loài thực vật bậc thấp, đơn bào hoặc đa bào, có loài kích thước nhỏ, có loài kích thước lớn.

Câu 7: Theo yếu tố môi trường là khả năng chịu mặn, thủy sản được phân ra làm mấy loại?

- A. 2.
- B. 3.
- C. 4.
- D. 5.

Câu 8: Dựa vào tính ăn, các loài thủy sản được chia ra làm mấy loài?

- A. 5.
- B. 4.
- C. 3.
- D. 2.

Câu 9: Cá rô phi thuộc nhóm cá nào?

- A. Nhóm ăn thực vật.
- B. Nhóm ăn động vật.
- C. Nhóm ăn tạp.
- D. Nhóm ăn sinh vật phù du.

Câu 10: Đâu **không** phải một phương thức nuôi thủy sản ở Việt Nam?

- A. Nuôi trồng thủy sản quảng canh.
- B. Nuôi trồng thủy sản thâm canh.
- C. Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh.
- D. Nuôi trồng thủy sản xen canh.

2. THÔNG HIỂU (6 CÂU)

Câu 1: Ưu điểm lớn nhất của nuôi trồng thủy sản quảng canh là

- A. vốn thấp, giá bán cao.
- B. diện tích nuôi trồng nhỏ.
- C. ít rủi ro ô nhiễm môi trường.
- D. ít rủi ro về dịch bệnh.

Câu 2: Ưu điểm của nuôi trồng thủy sản bán thâm canh là

- A. diện tích nuôi trồng nhỏ.
- B. hiệu quả kinh tế cao, dễ vận hành quản lí, phù hợp với điều kiện kinh tế người nuôi.
- C. dễ dàng kiểm soát môi trường sống của các loại thủy sản.
- D. thức ăn cho thủy sản vừa tự nhiên vừa nhân tạo.

Câu 3: Ưu điểm của nuôi trồng thủy sản thâm canh là?

- A. Môi trường nuôi được quản lí nghiêm ngặt.
- B. 100% thức ăn công nghiệp.
- C. nguồn cấp nước và thoát nước chủ động.
- D. áp dụng công nghệ tiên tiến trong quản lí và vận hành nên năng suất, hiệu quả kinh tế cao

Câu 4: Nhược điểm của nuôi trồng thủy sản thâm canh là

- A. vốn đầu tư lớn, rủi ro cao nếu người nuôi không nắm vững kiến thức.
- B. chưa áp dụng công nghệ cao nên năng suất chưa phải là cao nhất.
- C. năng suất và sản lượng thấp; quản lí và vận hành khó khăn.
- D. thủy sản sinh trưởng và phát triển kém.

Câu 5: Nhược điểm của nuôi trồng thủy sản quảng canh là

- A. vốn đầu tư lớn, rủi ro cao nếu người nuôi không nắm vững kiến thức.
- B. chưa áp dụng công nghệ cao nên năng suất chưa phải là cao nhất.
- C. năng suất và sản lượng thấp; quản lí và vận hành khó khăn.
- D. thủy sản sinh trưởng và phát triển kém.

Câu 6: Nhược điểm của nuôi trồng thủy sản bán thâm canh là

- A. vốn đầu tư lớn, rủi ro cao nếu người nuôi không nắm vững kiến thức.
- B. chưa áp dụng công nghệ cao nên năng suất chưa phải là cao nhất.
- C. năng suất và sản lượng thấp; quản lí và vận hành khó khăn.
- D. thủy sản sinh trưởng và phát triển kém.

3. VẬN DỤNG (3 CÂU)

Câu 1: Mô hình dưới đây là mô hình chăn nuôi thủy sản nào?



- A. Nuôi trồng thủy sản quảng canh.
- B. Nuôi trồng thủy sản thâm canh.
- C. Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh.
- D. Nuôi trồng thủy sản xen canh.

Câu 2: Đây không phải thực trạng bảo vệ và khai thác tài nguyên rừng?



- A. Nuôi trồng thủy sản quảng canh.
- B. Nuôi trồng thủy sản thâm canh.
- C. Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh.
- D. Nuôi trồng thủy sản xen canh.

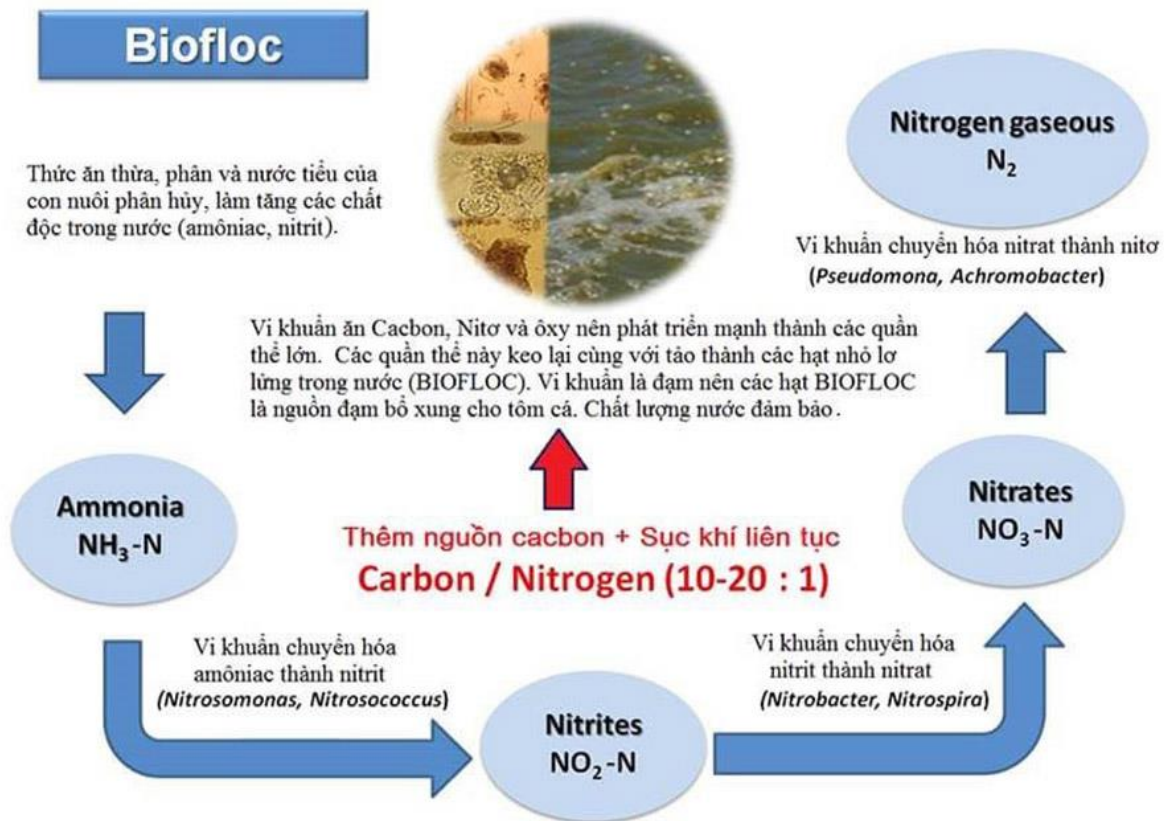
Câu 3: Cho các nhiệm vụ sau



- A. Nuôi trồng thủy sản quảng canh.
- B. Nuôi trồng thủy sản thâm canh.
- C. Nuôi trồng thủy sản bán thâm canh.
- D. Nuôi trồng thủy sản xen canh.

4. VẬN DỤNG CAO (2 CÂU)

Câu 1: Dưới đây là sơ đồ quy trình nuôi tôm theo công nghệ biofloc.



Ưu điểm của công nghệ này là

- A. mô hình nuôi tuần hoàn khép kín, nước chỉ lấy một lần, và được lọc sạch rồi tái sử dụng nên tiết kiệm nước.
- B. nuôi theo ao tròn, bố trí hầm biogas chứa chất thải của tôm, xác tôm làm khí đốt.
- C. có thể nuôi được 4 - 5 vụ/ năm, giảm chi phí sản xuất, diện tích nuôi.
- D. các chất thải hữu cơ như thức ăn thừa, nước tiểu con nuôi được xử lý và trở thành nguồn thức ăn tự nhiên cho tôm, giúp tiết kiệm lượng thức ăn.

Câu 2: Cho các nhận định sau:

- (1) Cá rô phi thuộc nhóm ăn tạp.
- (2) Cá tầm là loài thủy sản bản địa của Việt Nam.
- (3) Ốc nhồi thuộc nhóm bò sát và lưỡng cư.
- (4) Cá tra là loại cá nhiệt đới - nước ấm .
- (5) Tôm, cua là thủy sản thuộc nhóm động vật giáp xác.

Số nhận định đúng là

- A. 1.

- B. 2.
- C. 3.
- D. 4.

B. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM ĐÚNG - SAI

Câu 1: Khi thảo luận về các phương thức nuôi trồng phổ biến, nhóm học sinh đưa ra một số ý kiến sau:

- a. Diện tích ao, đầm nuôi thâm canh thường rất lớn.
- b. Phương thức nuôi quảng canh thường cho năng suất cao, kiểm soát được quá trình nuôi trong các khâu.
- c. Trong phương thức nuôi thâm canh, hệ thống nuôi có bị nguồn nước cấp và thoát nước hoàn toàn chủ động. Đầy đủ các trang thiết bị, thuốc, hoá chất và xử lý bệnh.
- d. Phương thức nuôi thâm canh có mật độ thả giống cao.

Đáp án:

- a. Sai
- b. Sai.
- c. Đúng
- d. Đúng.

-----**HẾT**-----